

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 13-9-2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Kim Tư

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Võ Thị Hoa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2017/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 27/2017/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 205/2017/QĐPT-DS, ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ánh T, sinh năm 1990; cư trú tại: Ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần L, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Chị Trần Thị Ánh T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Ánh T trình bày:

Chị Trần Thị Ánh T và anh Trần L do quen biết, tìm hiểu rồi tự nguyện kết hôn. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 19/02/2011. Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là Trần Lâm Tuyệt Q, sinh ngày 03/4/2012, hiện đang sống với anh L.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh L không quan tâm vợ con, kinh tế không có, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, mâu thuẫn, cãi nhau. Chị T đã về nhà mẹ ruột sống từ cuối năm 2016; sau đó, chị đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh và anh chị ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân thì vợ chồng không có gặp gỡ để bàn bạc, hàn gắn đoàn tụ. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với anh L. Về con chung, chị T đồng ý để anh L tiếp tục nuôi con, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần L trình bày:

Anh L thống nhất lời trình bày của chị T về quá trình tiến đến hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, về nợ chung như chị T trình bày, nhưng anh L xác định còn thương chị T và mong muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Theo anh L mâu thuẫn vợ chồng không lớn, chưa đến mức trầm trọng để ly hôn, nên anh không đồng ý yêu cầu ly hôn của chị T.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 27/2017/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M đã quyết định như sau:

Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Ánh T.

Về con chung: không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/6/2017, nguyên đơn chị Trần Thị Ánh T kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 27/2017/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M; chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, về con chung chị yêu cầu được nuôi con chung là Trần Lâm Tuyết Q, sinh ngày 03/4/2012 và không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với anh Trần L và đồng ý để anh L được nuôi con chung là Trần Lâm Tuyết Q.

Bị đơn anh Trần L đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị T theo đó, anh L đồng ý ly hôn với chị T vì thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và anh đồng ý nuôi con chung là Trần Lâm Tuyết Q, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng. Hai bên đương sự thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm với lý do: Tại phiên tòa phúc thẩm anh L và chị T thuận tình ly hôn và thỏa thuận được về việc nuôi con chung là cháu Trần Lâm Tuyết Q.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm chị Trần Thị Ánh T và anh Trần L đã thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án; theo đó, chị T và anh L thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh L được nuôi con chung là Trần Lâm Tuyết Q, sinh ngày 03/4/2012 và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những nhận định trên, căn sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 27/2017/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[2] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; chị Trần Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007626 ngày 15/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chị Trần Thị Ánh T phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 27/2017/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Ánh T và anh Trần L;

Về nuôi con chung: Anh Trần L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn là Trần Lâm Tuyết Q, sinh ngày 03/4/2012.

Ghi nhận việc anh Trần L không yêu cầu chị Trần Thị Ánh T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Ánh T được quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản chị T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007626 ngày 15/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Trần Thị Ánh T phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007929 ngày 22/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Hương

